

Số: 441../QĐ-UBND

Minh Tân, ngày 31 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách xã năm 2023 của xã Minh Tân  
Trình HĐND xã phê duyệt**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MINH TÂN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định số 3699/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách về việc giao chỉ tiêu, kế hoạch dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 cho xã Minh Tân;*

*Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã Minh Tân Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Thu – Chi thu chi dự toán ngân sách năm 2023;*

*Xét đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán ngân sách xã.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của xã Minh Tân.Trình HĐND xã phê duyệt. (Có các biểu kèm theo Quyết định này).

Thời gian từ ngày 31/12/2022 đến ngày 02/02/2023;

Địa điểm công khai: Niêm yết tại trụ sở UBND xã và thông báo trên loa truyền thanh của xã, công khai trước Hội nghị họp quần dân chính xã.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng HĐND-Ủy ban nhân dân xã, Công chức Tài chính Kế toán ngân sách, các ngành có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Lưu: VP,

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Khắc Hưng**

**TỔNG HỢP CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Theo quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND xã Minh Tân)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

| Nội dung thu                           | Dự toán          | Nội dung chi                  | Dự toán          |
|----------------------------------------|------------------|-------------------------------|------------------|
| <b>Tổng số thu</b>                     | <b>9.201.800</b> | <b>Tổng số chi</b>            | <b>9.201.800</b> |
| I. Các khoản thu xã hưởng 100%         | 127.000          | I. Chi đầu tư phát triển      | 4.050.000        |
| II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ | 4.695.200        | II. Chi thường xuyên          | 4.606.400        |
| III. Thu bổ sung                       | 4.379.600        | III. Dự phòng 10% vốn đầu tư  | 450.000          |
| - Bổ sung cân đối                      | 4.379.600        | IV. Tiết kiệm chi TX năm 2022 | 65.400           |
| - Bổ sung có mục tiêu                  | 0                | V. Dự phòng NSX năm 2022      | 30.000           |
| IV. Thu chuyển nguồn                   |                  |                               |                  |

NGƯỜI LẬP

Trịnh Xuân Điệp

TM.UBND XÃ MINH TÂN

Chủ tịch



Nguyễn Khắc Hưng

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Theo quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND xã Minh Tân)

Đơn vị: 1.000 đồng

| STT       | NỘI DUNG                                                | DỰ TOÁN          |                  | ƯỚC THỰC HIỆN    |                  | SO SÁNH (%)  |              |
|-----------|---------------------------------------------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|--------------|--------------|
|           |                                                         | THU NSNN         | THU NSX          | THU NSNN         | THU NSX          | THU NSNN     | THU NSX      |
| A         | B                                                       | 1                | 2                | 3                | 4                | 5 = 3/1      | 6 = 4/2      |
|           | <b>TỔNG THU</b>                                         | <b>9.201.800</b> | <b>9.201.800</b> | <b>9.201.800</b> | <b>9.201.800</b> | <b>100,0</b> | <b>100,0</b> |
| <b>I</b>  | <b>Các khoản thu 100%</b>                               | <b>127.000</b>   | <b>127.000</b>   | <b>127.000</b>   | <b>127.000</b>   | <b>100,0</b> | <b>100,0</b> |
| 1         | Phí, lệ phí                                             | 27.000           | 27.000           | 27.000           | 27.000           | 100,0        | 100,0        |
| 2         | Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác        | 80.000           | 80.000           | 80.000           | 80.000           | 100,0        | 100,0        |
| 3         | Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp                   |                  | 0                | 0                | 0                |              |              |
| 4         | Thu phạt, tịch thu khác theo quy định                   |                  | 0                | 0                | 0                |              |              |
| 5         | Đóng góp chùa nhân dân theo quy định                    |                  | 0                | 0                | 0                |              |              |
| 6         | Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân             |                  | 0                | 0                | 0                |              |              |
| 7         | Thu khác                                                | 20.000           | 20.000           | 20.000           | 20.000           | 100,0        | 100,0        |
| <b>II</b> | <b>Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ phần trăm (%)</b> | <b>4.695.200</b> | <b>4.695.200</b> | <b>4.695.200</b> | <b>4.695.200</b> | <b>100,0</b> | <b>100,0</b> |
| 1         | Các khoản thu phân chia                                 | 172.000          | 172.000          | 172.000          | 172.000          | 100,0        | 100,0        |
|           | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp                        | 10.000           | 10.000           | 10.000           | 10.000           | 100,0        | 100,0        |
|           | Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình         |                  | 0                | 0                | 0                |              |              |
|           | Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh            | 2.000            | 2.000            | 2.000            | 2.000            | 100,0        | 100,0        |
|           | Lệ phí trước bạ nhà, đất                                | 160.000          | 160.000          | 160.000          | 160.000          | 100,0        | 100,0        |
| 2         | Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định       | 4.523.200        | 4.523.200        | 4.523.200        | 4.523.200        | 100,0        | 100,0        |
|           | Thuế giá trị gia tăng                                   | 15.200           | 15.200           | 15.200           | 15.200           | 100,0        | 100,0        |
|           | Thuế thu nhập cá nhân                                   | 8.000            | 8.000            | 8.000            | 8.000            | 100,0        | 100,0        |

| STT | NỘI DUNG                                              | DỰ TOÁN   |           | ƯỚC THỰC HIỆN |           | SO SÁNH (%) |         |
|-----|-------------------------------------------------------|-----------|-----------|---------------|-----------|-------------|---------|
|     |                                                       | THU NSNN  | THU NSX   | THU NSNN      | THU NSX   | THU NSNN    | THU NSX |
| A   | B                                                     | 1         | 2         | 3             | 4         | 5 = 3/1     | 6 = 4/2 |
|     | Thu tiền sử dụng đất                                  | 4.500.000 | 4.500.000 | 4.500.000     | 4.500.000 | 100,0       | 100,0   |
| III | Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có) |           |           |               |           |             |         |
| IV  | Thu chuyển nguồn                                      |           |           |               |           |             |         |
| V   | Thu kết dư ngân sách năm trước                        |           |           |               |           |             |         |
| VI  | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên                     | 4.379.600 | 4.379.600 | 4.379.600     | 4.379.600 | 100,0       | 100,0   |
|     | Thu bổ sung cân đối ngân sách                         | 4.379.600 | 4.379.600 | 4.379.600     | 4.379.600 | 100,0       | 100,0   |
|     | Thu bổ sung có mục tiêu                               | 0         | 0         | 0             | 0         |             |         |

NGƯỜI LẬP



Trịnh Xuân Điệp

TM. UBND XÃ MINH TÂN

Chủ tịch



Nguyễn Khắc Hưng

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Theo quyết định số 2.600/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND xã Minh Tân)

Đơn vị: 1.000 đồng

| STT | NỘI DUNG                                                   | DỰ TOÁN NĂM      |                         |                  | ƯỚC THỰC HIỆN    |                         |                  | SO SÁNH (%)  |              |              |
|-----|------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------|------------------|------------------|-------------------------|------------------|--------------|--------------|--------------|
|     |                                                            | TỔNG SỐ          | ĐẦU TƯ<br>PHÁT<br>TRIỂN | THƯỜNG<br>XUYỀN  | TỔNG SỐ          | ĐẦU TƯ<br>PHÁT<br>TRIỂN | THƯỜNG<br>XUYỀN  | TỔNG<br>SỐ   | ĐTPT         | TX           |
| A   | B                                                          | 1                | 2                       | 3                | 4                | 5                       | 6                | 7=4/1        | 8=5/2        | 9=6/3        |
|     | <b>TỔNG CHI</b>                                            | <b>9.201.800</b> | <b>4.500.000</b>        | <b>4.701.800</b> | <b>9.201.800</b> | <b>4.500.000</b>        | <b>4.701.800</b> | <b>100,0</b> | <b>100,0</b> | <b>100,0</b> |
|     | <b>Treng đó:</b>                                           |                  |                         |                  |                  |                         |                  |              |              |              |
| 1   | Chi Giáo dục                                               | 14.880           |                         | 14.880           | 14.880           |                         | 14.880           | 100,0        |              | 100,0        |
| 2   | Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ                        | 0                |                         |                  | 0                |                         | 0                |              |              |              |
| 3   | Chi y tế                                                   | 12.000           |                         | 12.000           | 12.000           |                         | 12.000           |              |              |              |
| 4   | Chi văn hoá, thông tin                                     | 21.300           |                         | 21.300           | 21.300           |                         | 21.300           | 100,0        |              | 100,0        |
| 5   | Chi phát thanh, truyền hình                                | 40.844           |                         | 40.844           | 40.844           |                         | 40.844           | 100,0        |              | 100,0        |
| 6   | Chi thể dục thể thao                                       | 19.500           |                         | 19.500           | 19.500           |                         | 19.500           | 100,0        |              | 100,0        |
| 7   | Chi bảo vệ môi trường                                      | 19.600           |                         | 19.600           | 19.600           |                         | 19.600           | 100,0        |              | 100,0        |
| 8   | Chi các hoạt động kinh tế (GT-TL)                          | 4.096.300        | 4.050.000               | 46.300           | 4.096.300        | 4.050.000               | 46.300           | 100,0        |              | 100,0        |
| 9   | Chi dân quân tự vệ                                         | 267.025          | 0                       | 267.025          | 267.025          |                         | 267.025          | 100,0        |              | 100,0        |
| 10  | Chi An ninh trật tự                                        | 214.449          | 0                       | 214.449          | 214.449          |                         | 214.449          | 100,0        |              | 100,0        |
| 11  | Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể | 3.695.329        | 0                       | 3.695.329        | 3.695.329        |                         | 3.695.329        | 100,0        | 100,0        | 0,0          |
| 12  | Chi công tác xã hội                                        | 235.173          |                         | 235.173          | 235.173          |                         | 235.173          | 100,0        |              | 100,0        |
| 13  | Chi khác                                                   | 20.000           |                         | 20.000           | 20.000           |                         | 20.000           | 100,0        |              | 100,0        |

|    |                                |         |         |        |         |         |        |       |       |       |
|----|--------------------------------|---------|---------|--------|---------|---------|--------|-------|-------|-------|
| 14 | Tiết kiệm chi TX năm 2023      | 65.400  |         | 65.400 | 65.400  |         | 65.400 | 100,0 |       | 100,0 |
| 15 | Dự phòng 10% VĐT theo quy định | 480.000 | 450.000 | 30.000 | 480.000 | 450.000 | 30.000 | 100,0 | 100,0 | 100,0 |

NGƯỜI LẬP

*[Signature]*

Trịnh Xuân Điệp

TM. UBND XÃ MINH TÂN



Nguyễn Khắc Hưng

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Theo quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND xã Minh Tân)

Đơn vị: 1.000 đồng

Đơn vị: 1.000 đồng

| STT | NỘI DUNG                                                                                                     | Thời gian<br>khởi công -<br>hoàn thành | Tổng dự toán kinh phí<br>phân bổ |                                          | Giá trị thực<br>hiện đến<br>31/12/2022 | Giá trị<br>thanh toán<br>đến<br>31/12/2022 | Dự toán năm 2023 |                                                   |                            |                      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------|----------------------------|----------------------|
|     |                                                                                                              |                                        | Tổng số                          | Trong đó<br>nguồn<br>đóng góp<br>của dân |                                        |                                            | Tổng số          | Trong đó<br>thanh toán<br>khối lượng<br>năm trước | Chia theo nguồn vốn        |                      |
|     |                                                                                                              |                                        |                                  |                                          |                                        |                                            |                  |                                                   | Nguồn cân đối<br>ngân sách | nguồn<br>đóng<br>góp |
|     | TỔNG SỐ                                                                                                      |                                        | 4.500.000                        | 0                                        | 0                                      | 0                                          | 4.500.000        | 0                                                 | 4.500.000                  |                      |
| 1   | Công trình mới khởi công                                                                                     |                                        | 4.050.000                        | 0                                        | 0                                      | 0                                          | 4.050.000        | 0                                                 | 4.050.000                  |                      |
| 1.1 | Nâng cấp cải tạo, đường trục xã từ<br>ngã ba Bưu điện đến đầu làng thôn<br>Mạc Xá, xã Minh Tân               | 2.023                                  | 2.050.000                        |                                          |                                        |                                            | 2.050.000        |                                                   | 2.050.000                  |                      |
| 1.2 | Nâng cấp, Mở rộng đường giao<br>thông xã Minh Tân (Đoạn từ trạm Y<br>tế xã đến công chào thôn Hùng<br>Thắng) | 2.023                                  | 2.000.000                        |                                          |                                        |                                            | 2.000.000        |                                                   | 2.000.000                  |                      |
| 2   | 10% Dự phòng vốn đầu tư                                                                                      |                                        | 450.000                          |                                          |                                        |                                            | 450.000          |                                                   | 450.000                    |                      |

NGƯỜI LẬP



Trịnh Xuân Điệp

TM. UBND XÃ MINH TÂN

Chủ tịch



Nguyễn Khắc Hưng

**KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2023**  
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1.000 đồng

| STT | NỘI DUNG                                   | Ước thực hiện năm 2018 |     |            | Kế hoạch năm |     |            |
|-----|--------------------------------------------|------------------------|-----|------------|--------------|-----|------------|
|     |                                            | Thu                    | Chi | Chênh lệch | Thu          | Chi | Chênh lệch |
|     | <b>TỔNG SỐ</b>                             |                        |     |            |              |     |            |
| 1   | Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách |                        |     |            |              |     |            |
| 2   | Các hoạt động sự nghiệp                    |                        |     |            |              |     |            |
| +   | Chợ                                        |                        |     |            |              |     |            |
| +   | Bến bãi                                    |                        |     |            |              |     |            |

NGƯỜI LẬP



**Trịnh Xuân Điệp**

TM. UBND XÃ

Chủ tịch



**Nguyễn Khắc Hưng**